

## KẾT QUẢ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN BTKT CAO HỌC

Ngành: KHOA HỌC MÁY TÍNH - HTTT - TTNT K32 - K33 - K34 - K35

Mã môn học: ..... Khóa: **Tháng 04/2025**  
Tên môn học: **CẤU TRÚC DỮ LIỆU** Số tiết: **60**  
Ngày thi: **18g30** ngày **29/7/2025** Phòng thi: **C22**  
Giảng viên phụ trách môn học: **TS. Lê Thanh Tùng**  
Cán bộ coi thi: **Quách Ngọc Mai, Nguyễn Thị Thảo**

(\*) Điểm giữa kỳ và cuối kỳ chấm trên thang điểm 10

| STT | MÃ SỐ HV/<br>SỐ CCCD | Họ tên                | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Số<br>tờ | Ký<br>tên<br>dự thi | Kết quả thi       |                  |            |
|-----|----------------------|-----------------------|------------|------------|----------|---------------------|-------------------|------------------|------------|
|     |                      |                       |            |            |          |                     | Giữa kỳ<br>(40 %) | Cuối kỳ<br>(60%) | Điểm<br>TB |
| 1   | 082203011331         | Đoàn Nguyễn Bảo An    | 07/05/2023 | Tiền Giang |          | <i>As</i>           | 7,0               | 9,5              | 8,5        |
| 2   | 083099009298         | Trần Thanh Dương      | 20/02/1999 | Bến Tre    |          | <i>Duong</i>        | 8,1               | 9,1              | 8,7        |
| 3   | 068300004794         | Lê Thị Hà Giang       | 16/10/2000 | Lâm Đồng   |          |                     |                   | <i>Vắng</i>      |            |
| 4   | 049200000206         | Lê Thành Hải          | 30/03/2000 | Quảng Nam  |          | <i>Thao</i>         | 7,5               | 4,7              | 5,8        |
| 5   | 091201011879         | Đoàn Hoàng Khánh Huy  | 05/01/2001 | Kiên Giang |          | <i>Hy</i>           | 9,2               | 3,2              | 5,6        |
| 6   | 079203021558         | Nguyễn Đăng Khoa      | 03/12/2003 | TP.HCM     |          | <i>Don</i>          | 9,1               | 9,4              | 9,3        |
| 7   | 077197002773         | Nguyễn Vũ Ngọc Phương | 20/03/1997 | BR - VT    |          | <i>Phu</i>          | 9,8               | 7,1              | 8,2        |
| 8   | 060097002116         | Đinh Hữu Quý          | 23/04/1997 | Bình Thuận |          |                     |                   | <i>Vắng</i>      |            |
| 9   | 058095008014         | Bùi Ngọc Tâm          | 25/03/1995 | Ninh Thuận |          |                     |                   | <i>Vắng</i>      |            |
| 10  | 079099019799         | Nguyễn Hùng Thanh     | 25/04/1999 | TP.HCM     |          | <i>Thao</i>         | 6,4               | 5,8              | 6,0        |
| 11  | 068201002992         | Lê Phong Công Thành   | 04/12/2001 | Lâm Đồng   |          | <i>Thao</i>         | 8,6               | 6,8              | 7,5        |
| 12  | 068094012459         | Hoàng Văn Tùng        | 29/09/1994 | Lâm Đồng   |          | <i>Tung</i>         | 6,5               | 6,5              | 6,5        |
| 13  | 060093012621         | Nguyễn Anh Vũ         | 11/03/1993 | Tiền Giang |          | <i>Wu</i>           | 9,9               | 7,3              | 8,3        |
| 14  | 060194005453         | Lê Thị Tường Vy       | 25/04/1994 | Bình Thuận |          | <i>Vy</i>           | 6,9               | 5,9              | 6,3        |
| 15  | 22C15012             | Võ Khánh Linh         | 26/07/1997 | TP.HCM     |          | <i>Linh</i>         | 7,0               | 7,0              | 7,0        |
| 16  | 23C15019             | Nguyễn Đình Thiên Ân  | 20/08/2000 | TP.HCM     |          | <i>An</i>           | 9,5               | 8,7              | 9,0        |
| 17  | 23C15031             | Nguyễn Hữu Lộc        | 14/06/1996 | TP.HCM     |          | <i>Loc</i>          | 10,0              | 7,5              | 8,5        |
| 18  | 23C15037             | Bùi Trọng Quý         | 25/01/2000 | Lâm Đồng   |          | <i>Quy</i>          | 7,9               | 5,6              | 6,5        |

| STT | MÃ SỐ HV/<br>Số CCCD | Họ tên              | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Số<br>tờ | Ký<br>tên<br>dự thi                                                                 | Kết quả thi         |                     |            |
|-----|----------------------|---------------------|------------|------------|----------|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------|------------|
|     |                      |                     |            |            |          |                                                                                     | Giữa kỳ<br>( ... %) | Cuối kỳ<br>( ... %) | Điểm<br>TB |
| 19  | 24C11070             | Bùi Thế Vinh        | 24/01/2000 | Bình Thuận |          |  | 10,0                | 6,7                 | 8,0        |
| 20  | 24C12027             | Trần Quang Duy      | 06/05/2001 | Bình Định  |          |  | 10,0                | 9,2                 | 9,5        |
| 21  | 24C15010             | Lê Nguyễn Đăng Khoa | 08/09/2001 | TP.HCM     |          |  | 6,4                 | 6,6                 | 6,5        |

TP. HCM, ngày 08 tháng 07 năm 2025  
Cán bộ chấm thi

  
Lê Thanh Tùng